

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới
với các nước có chung biên giới***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;**Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là hoạt động thương mại biên giới) gồm:

- a) Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân;
- b) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới;
- c) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu;
- d) Dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới.

2. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế qua biên giới thực hiện theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, Luật Biên giới quốc gia năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và tập quán thương mại quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại biên giới.

2. Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước có chung biên giới là nước có chung đường biên giới đất liền với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (bao gồm: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia).

2. Cửa khẩu, lối mở biên giới, khu vực cửa khẩu, hàng hóa của cư dân biên giới, thủ tục qua lại biên giới theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

4. Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân là hoạt động thương mại dưới các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Thương mại năm 2005 và được thực hiện theo quy định tại Chương II Quyết định này.

Điều 4. Thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới

1. Hoạt động thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới.

2. Phương thức thanh toán:

a) Thanh toán qua ngân hàng;

b) Thanh toán không dùng tiền mặt: bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu; thông qua tài khoản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam; thanh toán trực tiếp vào tài khoản của thương nhân tại ngân hàng khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam;

c) Thanh toán bằng tiền mặt.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

Chương II

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI CỦA THƯƠNG NHÂN

Điều 5. Thương nhân mua bán hàng hóa qua biên giới

1. Thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (dưới đây gọi tắt là thương nhân) được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới. Căn cứ điều kiện hạ tầng kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới,

Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương lựa chọn thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện mua bán hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.

2. Thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam chỉ được thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới trong trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định.

Điều 6. Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân

1. Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải đáp ứng các quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

2. Hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều này được mua bán qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trong các trường hợp cụ thể đảm bảo nguyên tắc khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới. Bộ Công Thương hướng dẫn hàng hóa mua bán qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân trong từng thời kỳ sau khi trao đổi với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới.

Điều 7. Các loại cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân

1. Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện tại các loại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Cửa khẩu phụ, lối mở biên giới quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đủ các lực lượng quản lý chuyên ngành Hải quan, Biên phòng và Kiểm dịch hoạt động thường xuyên tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

b) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm quản lý nhà nước, bao gồm trụ sở làm việc của các lực lượng chức năng; khu vực kiểm tra, kiểm soát, giám sát; khu vực kho, bến bãi tập kết hàng hóa; đường giao thông; trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác.

Điều 8. Kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân

Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm dịch y tế; kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản; kiểm tra chất lượng hàng hóa; kiểm tra về an toàn thực phẩm.

Điều 9. Hình thức thỏa thuận trong mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân

Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân hoặc cá nhân của nước có chung biên giới bằng các hình thức sau:

1. Hợp đồng bằng văn bản.

2. Trường hợp không xác lập hợp đồng bằng văn bản thì thương nhân thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới phải lập bảng kê mua bán hàng hóa qua biên giới. Bảng kê được thương nhân Việt Nam ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

Bộ Công Thương hướng dẫn mẫu Bảng kê mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân có tên thương nhân hoặc cá nhân, tên hàng hóa, đơn giá, số lượng và các nội dung cần thiết khác để việc kê khai, theo dõi, quản lý được thống nhất.

Điều 10. Chính sách thuế, phí và lệ phí

1. Thương nhân mua bán hàng hóa qua biên giới phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành đối với hàng hóa mua bán qua biên giới, được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân quy định tại Quyết định này được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phí và lệ phí trong hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III **HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA** **CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI**

Điều 11. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

1. Cư dân biên giới là công dân Việt Nam và công dân nước có chung biên giới có hộ khẩu thường trú tại các khu vực biên giới.

2. Người có giấy phép của cơ quan công an tỉnh biên giới cho cư trú ở khu vực biên giới.

Điều 12. Cửa khẩu, lối mở biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới được thực hiện qua các cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

Điều 13. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Bộ Công Thương ban hành Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới để thực hiện chính sách đối với hoạt động mua bán, trao đổi của cư dân biên giới quy định tại Quyết định này.

Điều 14. Thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới quy định tại Điều 11 Quyết định này được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) với giá trị không quá 2.000.000 (hai triệu) đồng/1 người/1 ngày/1 lượt và không quá 4 lượt/1 tháng đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ Công Thương ban hành.

2. Phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định tại Khoản 1 Điều này phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định.

Điều 15. Quản lý mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Đối với hàng hóa trong định mức nhưng cư dân biên giới không sử dụng cho đời sống và sản xuất của mình mà bán nhượng lại thì phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thương nhân thực hiện mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới tại khu vực chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

3. Thương nhân thực hiện mua gom phải lập bảng kê mua gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

4. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới khi được mua gom phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định và phải thực hiện kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần hàng hóa mà cư dân biên giới không sử dụng trực tiếp cho đời sống và sản xuất mà bán nhượng lại.

Điều 16. Kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm trong hoạt động mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Kiểm dịch y tế: Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm dịch y tế, trừ trường hợp Bộ Y tế thông báo có nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm và khi có dịch bệnh xảy ra thì phải kiểm tra thực tế và xử lý y tế.

2. Kiểm dịch động vật, thực vật và kiểm dịch thủy sản: Hàng hóa thuộc diện phải kiểm dịch động vật, thực vật và kiểm dịch thủy sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trong từng thời kỳ phải được kiểm dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm: Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI CHỢ BIÊN GIỚI, CHỢ CỬA KHẨU, CHỢ TRONG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Điều 17. Điều kiện kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

Điều kiện kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 18. Chủ thể hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Thương nhân là cá nhân kinh doanh mang quốc tịch Việt Nam và có hộ khẩu thường trú tại khu vực biên giới.

2. Thương nhân là doanh nghiệp Việt Nam và hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

3. Thương nhân là cá nhân kinh doanh mang quốc tịch của nước có chung biên giới, có một trong các giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Giấy Chứng minh thư biên giới, Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới, Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh khác được cấp theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới.

4. Thương nhân là doanh nghiệp, hộ kinh doanh của nước có chung biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới.

Điều 19. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu phải là hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới để kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu phải tuân thủ các quy định của Quyết định này.

Điều 20. Kiểm dịch đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu thuộc đối tượng phải kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật, thủy sản) thì phải thực hiện chế độ kiểm dịch theo quy trình thủ tục kiểm dịch của Bộ Y tế (đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch y tế), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch động vật, thực vật, thủy sản).

2. Khi hàng hóa được nhập khẩu từ nước có chung biên giới đưa vào chợ hoặc từ chợ xuất khẩu sang nước có chung biên giới thì phải làm thủ tục kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch tại cửa khẩu, lối mở biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu đi qua.

Điều 21. Quy định về thuế và hải quan đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Thương nhân kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu phải tuân thủ các quy định hiện hành về thuế của Việt Nam: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác (nếu có).

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan về mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu.

Chương V

DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU, LỐI MỞ BIÊN GIỚI

Điều 22. Các dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới

1. Dịch vụ hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Dịch vụ kho, bãi, giao nhận, vận chuyển, bảo quản hàng hóa.

3. Dịch vụ gia công, bao bì, đóng gói hàng hóa.

4. Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, lao động, phiên dịch, vệ sinh, bảo vệ.

5. Dịch vụ hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận và thâm nhập thị trường các nước có chung biên giới.

6. Dịch vụ về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm đường giao thông, nhà văn phòng làm việc, nhà trưng bày, giới thiệu sản phẩm, camera quan sát, trạm cân điện tử, điện nước, thu gom - xử lý chất thải, báo cháy, phòng cháy chữa cháy.

7. Các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Quản lý hoạt động dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới

1. Việc quản lý hoạt động dịch vụ hỗ trợ thương mại tại các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính thực hiện theo quy định tại Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Quản lý hoạt động dịch vụ hỗ trợ thương mại tại các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới theo quy định của Bộ Công Thương.

3. Thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thực hiện kinh doanh dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

XUẤT NHẬP CẢNH NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Điều 24. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam

1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền phải có một trong các loại giấy tờ có giá trị sử dụng như sau: Hộ chiếu, Giấy Chứng minh nhân dân, Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới (Danh bạ thuyền viên hoặc Sổ thuyền viên đối với tàu, thuyền) hoặc các giấy tờ qua lại biên giới khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển.

2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa khi vào các địa điểm tại khu vực biên giới phải xuất trình hoặc nộp các giấy tờ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Quyết định này để ra hoặc vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu của nước có chung biên giới, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới; trường hợp vào sâu nội

địa nước có chung biên giới phải tiến hành thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho người và phương tiện theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam và của nước có chung biên giới.

4. Việc quản lý phương tiện của Việt Nam đi qua biên giới để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Người và phương tiện vận tải hàng hóa quy định tại Điều này có nhu cầu đi vào điểm chuyển tải hàng hóa được quy định tại Hiệp định vận tải giữa Chính phủ Việt Nam và các nước có chung biên giới để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

Điều 25. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của nước có chung biên giới

1. Công dân nước có chung biên giới là chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung biên giới được theo phương tiện vận tải hàng hóa đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Quyết định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa bằng Hộ chiếu, Sổ thuyền viên, Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Giấy Thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung biên giới cấp hoặc giấy tờ qua lại biên giới khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2. Phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung biên giới được qua các cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định của Quyết định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại khu vực biên giới.

3. Phương tiện và công dân của nước có chung biên giới là người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của nước có chung biên giới khi ra, vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam để vận chuyển hàng hóa phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới; khi có nhu cầu ra khỏi phạm vi chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu để vào trong nội địa Việt Nam thì phải thực hiện các thủ tục về xuất cảnh, nhập cảnh cho người và phương tiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam để giao nhận hàng hóa sau đó quay về nước ngay trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới trong ngày không phải kê khai tờ khai hải quan và nộp hồ sơ phương tiện nhưng phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng tại cửa khẩu và xuất trình giấy tờ cho hải quan giám sát, kiểm tra, quản lý.

5. Việc quản lý phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp người và phương tiện của nước có chung biên giới có nhu cầu đi vào các địa điểm khác ngoài khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

Chương VII

BAN CHỈ ĐẠO THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Điều 26. Ban Chỉ đạo thương mại biên giới

1. Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương do Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng Ban, một Thứ trưởng Bộ Công Thương phụ trách lĩnh vực thương mại biên giới làm Phó Trưởng Ban thường trực. Các Ủy viên gồm một Thứ trưởng hoặc Tổng cục trưởng của các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các thành viên của Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Bộ Công Thương để giao dịch. Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; quy định thành viên và nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

3. Trưởng Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới kiện toàn Ban Chỉ đạo thương mại biên giới tỉnh do một lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Công Thương làm Phó Trưởng Ban thường trực. Các Ủy viên là lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan tại địa phương.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và tổ chức phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý hoạt động thương mại biên giới; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến thương mại biên giới; giải quyết các công việc liên quan đến nhiều Bộ, ngành, địa phương về quản lý hoạt động thương mại biên giới.

2. Tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả hoạt động thương mại biên giới của các Bộ, ngành, địa phương; báo cáo và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, biện pháp, chương trình và kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại biên giới.

3. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều hành hoạt động tại các cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định tại Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý dịch vụ hỗ trợ thương mại tại các cửa khẩu, lối mở biên giới.

4. Tổ chức thực hiện các hình thức thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền; kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thương mại biên giới theo quy định của pháp luật.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 28. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thương mại biên giới

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương và Ban Chỉ đạo thương mại biên giới tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ quản lý và điều hành linh hoạt, kịp thời hoạt động thương mại biên giới.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý hoạt động thương mại biên giới.

4. Hợp tác, trao đổi, thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của các nước có chung biên giới về cơ chế phối hợp trong quản lý hoạt động thương mại biên giới.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới điều tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trong trường hợp có khả năng ùn tắc hàng hóa tại cửa khẩu, lối mở biên giới, nguy cơ ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác.

6. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới được thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới.

7. Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động thương mại biên giới.

Điều 30. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện quản lý tại các cửa khẩu, lối mở biên giới trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí; thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới; thủ tục kiểm tra, giám sát đối với việc mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch y tế biên giới, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại biên giới.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản trong hoạt động thương mại biên giới.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra về chất lượng hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới.

6. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới tạo điều kiện phát triển về hạ tầng giao thông phục vụ cho hoạt động thương mại biên giới; hướng dẫn thực hiện các quy định có liên quan đối với các phương tiện xuất nhập cảnh qua biên giới.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn về thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

8. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện quản lý cư trú, xuất nhập cảnh người trong hoạt động thương mại biên giới.

9. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Công Thương để thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

10. Các Bộ, ngành liên quan cử thành viên tham gia Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương theo quy định tại Quyết định này để thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn quản lý.

2. Thực hiện các chỉ đạo điều hành về hoạt động thương mại biên giới của Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Trung ương và các Bộ, ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh.

3. Điều hành Ban Chỉ đạo thương mại biên giới tỉnh để thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới và Quyết định số 139/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. Trường hợp cần điều hành linh hoạt hoạt động thương mại biên giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân và cư dân biên giới trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng